

Bản án số: 1907/2023/DS-ST

Ngày 26 tháng 9 năm 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Ông Nguyễn Duy Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 2580/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 394/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 310/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 576/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tòa nhà S, phường B, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông H - Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông P (Giấy ủy quyền số 047589.23 lập ngày 05 tháng 5 năm 2023)

Địa chỉ: Tòa nhà C, Phường K, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc A**

Sinh năm: 1972

Địa chỉ: 182/42A B, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/9/2020, ông Nguyễn Ngọc A có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng B) hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 3690610.20. Theo đó, Ngân hàng B cho ông A vay số tiền là 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng. Mục đích vay dùng để đáp ứng nhu cầu mua sắm vật dụng gia đình. Thời hạn vay là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày 21/9/2020 đến ngày 21/9/2025. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 12,5%/năm. Lãi suất này được Ngân hàng B chủ động điều chỉnh 03 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Cụ thể: mức lãi suất trong hạn từ ngày 21/9/2020 đến ngày 26/7/2021 là 12,5%/năm, mức lãi suất quá hạn từ ngày 27/7/2021 đến ngày 21/6/2022 là 18,75%/năm, mức lãi suất quá hạn từ ngày 22/6/2022 đến nay là 19,05%/năm. Hoàn trả tiền gốc hàng tháng vào ngày 25, mỗi tháng thanh toán số tiền gốc là 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/10/2020. Hoàn trả tiền lãi hàng tháng vào ngày 25, trả phí theo quy định của Ngân hàng B từng thời kỳ. Ông A đã nhận đủ số tiền là 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng vào ngày 21/9/2020 theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 3690610(1).20 ngày 21/9/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông A đã thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu H, số khung: B, số máy: G, biển kiểm soát X theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 9566171.20 ngày 17/9/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông A đã thanh toán được 85.213.172 (tám mươi lăm triệu, hai trăm mười ba nghìn, một trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó tiền gốc là 61.200.000 (sáu mươi một triệu, hai trăm nghìn) đồng và tiền lãi trong hạn là 24.013.172 (hai mươi bốn triệu, không trăm mười ba nghìn, một trăm bảy mươi hai) đồng.

Do ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi nên Ngân hàng B đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 26/7/2021 với số tiền nợ gốc là 208.800.000 (hai trăm lẻ tám triệu, tám trăm nghìn) đồng.

Nay, Ngân hàng B yêu cầu ông Nguyễn Ngọc A phải thanh toán ngay một lần số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 18/7/2023 là 293.034.574 (hai trăm chín mươi ba triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm bảy mươi bốn) đồng, trong đó nợ gốc là 208.800.000 (hai trăm lẻ tám triệu, tám trăm nghìn) đồng, lãi trong hạn là 2.514.294 (hai triệu, năm trăm mười bốn nghìn, hai trăm chín mươi bốn) đồng, lãi

quá hạn là 81.720.280 (tám mươi một triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, hai trăm tám mươi) đồng.

Ông A phải tiếp tục thanh toán cho B khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 19/7/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 3690610.20 ký ngày 17/9/2020 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3690610(1).20 ký ngày 21/9/2020.

B chưa thu hồi tài sản thế chấp và không có yêu cầu giải quyết đối với tài sản thế chấp.

B chỉ yêu cầu cá nhân ông A thanh toán nợ, không yêu cầu đưa thêm bất cứ người nào vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn - ông Nguyễn Ngọc A vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập và niêm yết hợp lệ. Ông A cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn trình bày: Ngân hàng B cho ông A vay số tiền là 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng để đáp ứng nhu cầu về tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông A đã thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu H, số khung: B, số máy: G, biển kiểm soát X theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 9566171.20 ngày 17/9/2020.

Do ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi nên Ngân hàng B đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 26/7/2021 với số tiền nợ gốc là 229.500.000 (hai trăm hai mươi chín triệu, năm trăm nghìn) đồng. Ngày 23/12/2021, ông A thanh toán 6.700.000 (sáu triệu bảy trăm nghìn) đồng và ngày 22/6/2022 thanh toán 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng nên tổng số tiền nợ gốc chỉ còn lại là 208.800.000 (hai trăm lẻ tám triệu, tám trăm nghìn) đồng.

Ông A đã thanh toán được tổng số tiền là 85.213.172 (tám mươi lăm triệu, hai trăm mười ba nghìn, một trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó tiền gốc là 61.200.000 (sáu mươi một triệu, hai trăm nghìn) đồng và tiền lãi trong hạn là 24.013.172 (hai mươi bốn triệu, không trăm mười ba nghìn, một trăm bảy mươi hai) đồng.

Nay, Ngân hàng B yêu cầu ông A thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 26/9/2023 là 300.662.925 (ba trăm triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn, chín trăm hai mươi lăm) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 208.800.000 (hai trăm lẻ tám triệu, tám trăm nghìn) đồng.

- Lãi trong hạn là 2.514.294 (hai triệu, năm trăm mười bốn nghìn, hai trăm chín mươi bốn) đồng.

- Lãi quá hạn tính đến ngày 26/9/2023 là 89.348.631 (tám mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi một) đồng.

Ông A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng B khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 27/9/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 3690610.20 ký ngày 17/9/2020 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3690610(1).20 ký ngày 21/9/2020.

B chưa thu hồi tài sản thế chấp và không có yêu cầu giải quyết đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu H, số khung: B, số máy: G, biển kiểm soát X.

Bị đơn - ông Nguyễn Ngọc A vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa triệu tập xét xử hợp lệ và cũng không gửi văn bản ý kiến đến phiên tòa.

Tại phần tranh luận,

Nguyên đơn không có ý kiến tranh luận. Bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng, quan hệ tranh chấp của Tòa án:

+ Việc xác định quan hệ tranh chấp: Xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26

+ Thẩm quyền thụ lý, giải quyết: Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

+ Việc xác định tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc xác minh thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về tiến hành hòa giải: Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, Điều 210, Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết đúng theo quy định tại các Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát: Tòa án đã gửi hồ sơ vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tham gia phiên tòa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Thẩm phán còn có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (trễ hạn).

1.2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc A đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục triệu tập tham gia vụ án hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời trình bày của đương sự thì ông Nguyễn Ngọc A đã ký với Ngân hàng B hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 3690610.20 vào ngày 17/9/2020. Hợp đồng này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, các bên đều hoàn toàn tự nguyện khi ký kết hợp đồng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của đôi bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông A đã nhận đủ số tiền là 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng vào ngày 21/9/2020 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3690610(1).20 ngày 21/9/2020 nhưng lại vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ gốc và nợ lãi đúng theo thỏa thuận. Ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông A vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và xét xử. Cho thấy, ông A đã tự từ bỏ quyền lợi tố tụng của mình.

Ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng B. Do vậy, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông A thanh toán một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 26/9/2023 là 300.662.925 (ba trăm triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi lăm) đồng và tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 27/9/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 3690610.20 ký ngày 17/9/2020 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3690610(1).20 ký ngày 21/9/2020 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 1.4, Điều 1.5 của Hợp đồng tín dụng; Điều 1.4 Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật, Điều 95 các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Ngân hàng B không yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu H, số khung: B, số máy: G, biển kiểm soát X nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản thế chấp.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thiết nghĩ yêu cầu của Ngân hàng B hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận toàn bộ, cần buộc ông A phải thanh toán số tiền 300.662.925 (ba trăm triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi lăm) đồng cho Ngân hàng B ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông A còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 3690610.20 ký ngày 17/9/2020 và đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 3690610(1).20 ký ngày 21/9/2020 theo như ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí dân sự sơ thẩm là 15.033.146 (mười lăm triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, một trăm bốn mươi sáu) đồng, ông A phải chịu do yêu cầu của B được chấp nhận toàn bộ.

Ngân hàng B được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.058.000 (sáu triệu, không trăm năm mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019049 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc A thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B ngay một lần tổng số tiền còn nợ là 300.662.925 (ba trăm triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi lăm) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 208.800.000 (hai trăm lẻ tám triệu, tám trăm nghìn) đồng.
- Lãi trong hạn là 2.514.294 (hai triệu, năm trăm mười bốn nghìn, hai trăm chín mươi bốn) đồng.
- Lãi quá hạn tính đến ngày 26/9/2023 là 89.348.631 (tám mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi một) đồng.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Ngọc A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 3690610.20 ký ngày 17/9/2020 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3690610(1).20 ký ngày 21/9/2020. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 15.033.146 (mười lăm triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, một trăm bốn mươi sáu) đồng, ông Nguyễn Ngọc A phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.058.000 (sáu triệu, không trăm năm mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019049 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai. Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Ngọc A có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung

năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Y;
- Chi Cục THADS quận Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Liên Hương

